TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:299/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09/9/2023
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh

Bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 230/2023/HNGĐ-TLST ngày 29/5/2023, về việc " *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Phí Thị D**, sinh ngày 14/01/1985.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Hạ C, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Số 12, đường Wujia 3, quận Fengshan, thành phố Cao Hùng, Đài Loan (Trung Quốc).

Người được chị D ủy quyền giao, nhận văn bản: Chị Đào Thị Thu N, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Tầng 4, số 32 phố Đ, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn : Anhh **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 09/11/1979.

Địa chỉ: Số nhà 79, phố G, khu H, phường T, thị xã M, tỉnh Hải Dương.

(Chị D, anh H đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn chị Phí Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H tự

do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban dân thị trấn T, huyện M (nay là phường T, thị xã M), tỉnh Hải Dương ngày 02/7/2007. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, trong cuộc sống hai bên thường xuyên xảy ra căng thẳng. Năm 2016 chị đi Đài Loan lao động, thời gian đầu vợ chồng liên lạc, nhưng sau đó mâu thuẫn trở lên trầm trọng, chị và anh H không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về quan hệ con chung: Chị và anh H có 2 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 11/12/2007 và Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 20/6/2012. Hiện nay hai con ở với bố, ly hôn do chị đang ở nước ngoài nên chị đồng ý để anh H chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Về cấp dưỡng tiền nuôi con các bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn - anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ vợ chồng : Anh và chị D tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện M (nay là UBND phường T, thị xã M), tỉnh Hải Dương ngày 02/7/2007. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị D đi Đài Loan lao động. Từ khi đi, chị D có về Việt Nam 2 lần, do vợ chồng sống xa nhau lâu ngày nên tình cảm phai nhạt, không tìm thấy tiếng nói chung. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị D có đơn xin ly hôn anh đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

Về quan hệ con chung : Anh và chị D có hai con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 11/12/2007 và Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 20/6/2012. Hiện nay hai con đang ở với anh. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Về cấp dưỡng tiền nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị D không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh đồng ý để chị D tự nguyện chịu cả án phí ly hôn.

- Do điều kiện công việc, chị D không về Việt Nam để giải quyết ly hôn nên đã ủy quyền cho chị Đào Thị Thu N giao, nhận các văn bản tại Tòa án. Chị N có quan điểm đồng ý nhận ủy quyền của chị D. Sau khi nhận văn bản tố tụng

của Tòa án, chị N đã thông tin cho chị D biết, chị D vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Chị D, anh H, chị N đề nghị xin được giải quyết vắng mặt.

- Cháu Nguyễn Đức T và Nguyễn Tấn Đ đều có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị D, anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị D được ly hôn anh H. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 11/12/2007 và Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 20/6/2012 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng tiền nuôi con, các bên tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết. Chị D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phí Thị D và anh Nguyễn Văn H đều có hộ khẩu thường trú tại Hạ C, phường T, thị xã M, tỉnh Hải Dương. Chị D hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Tài liệu chị D gửi về Việt Nam gồm: Đơn ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đều có xác nhận của Văn phòng kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Do đó có căn cứ xác định nội dung các văn bản này thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của chị D.

Quá trình giải quyết vụ án chị D, anh H đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phí Thị D và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban dân thị trấn T, huyện M (nay là phường T, thị xã M), tỉnh Hải Dương ngày 02/7/2007. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, hai bên có thời gian sống xa nhau nên không tìm thấy tiếng nói chung. Nay chị D và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị D có đơn xin ly hôn, anh H cũng đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị D và anh H đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

- *Về quan hệ con chung:* Chị Phí Thị D và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 11/12/2007 và Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 20/6/2012. Ly hôn chị D, anh H đều có quan điểm giao cháu T, cháu Đ cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thực tế cháu T, cháu Đ hiện đang ở với bố, được học tập và phát triển tốt, các cháu cũng đều có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Chị D đang ở nước ngoài nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy cần tiếp tục giao cháu T, cháu Đ cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng tiền nuôi con các bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4].Về án phí: Chị Phí Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phí Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2.Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 11/12/2007 và Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 20/6/2012 cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về việc cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thỏa thuận.

Chị Phí Thị D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phí Thị D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số AA/2022/0000188 ngày 29

tháng 5 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phí Thị D, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND phường T;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền